TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Thanh Bình;

- Bà Vũ Thị Kim Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Phương Thao- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn S ; sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố S, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Minh Du- Luật sư Công ty Luật TNHH Thịnh Hưng (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thu H , sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố S, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hoàng Văn S trình bày: Ông và bà Nguyễn Thu H kết hôn năm 1989. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên. Sau khi kết hôn, bà H về chung sống với ông S tại Tổ dân phố S, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, giữa ông S và bà H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Năm 1990, bà H sinh cháu Hoàng Văn K là con chung của ông S bà H . Năm 1992 cháu K bị bệnh và chết. Trước khi cháu K chết khoảng 06 tháng bà H đã bỏ nhà đi, khi cháu K chết bà H cũng không về lo ma chay cho con. Bà H bỏ nhà đi từ đó đến nay không về gia đình ở phường Đống Đa và cũng không liên lạc gì với ông Sáng. Nay ông S không biết bà H làm gì, ở đâu, chỉ biết bà thường xuyên về nhà mẹ đẻ và các anh chị em ruột của bà là bà

Nguyễn Thị H ở Tổ dân phố Đ, phường Đ , thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đã mấy chục năm không còn liên quan đến nhau, ông S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông S đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Nguyễn Thu H .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Văn K , sinh năm 1990, đã chết năm 1992. Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã đến Tổ dân phố S, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và Tổ dân phố Đ, phường Đ , thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tuy nhiên không gặp được bà H . Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại Tổ dân phố Sậu, phường Đống Đa đồng thời giao cho chị gái bà H nhận thay là bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ , thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình làm việc bà H cung cấp: Năm 1989, bà H kết hôn với ông S và về ở nhà ông S tại phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên. Năm 1992 bà H bỏ đi làm ăn xa từ đó đến nay không về nhà ông S mà chỉ thỉnh thoảng về thăm bố mẹ đẻ và về nhà bà H ở mấy ngày tại Tổ dân phố Đ, phường Đ . Bà H làm gì, ở đâu bà H không biết vì bà H không nói. Sau khi được Tòa án giao các văn bản tố tụng, bà H đã thông báo cho bà H về yêu cầu khởi kiện của ông Sáng, thông báo về việc Tòa án triệu tập bà H lên làm việc nhưng bà H có nói lại với bà H là bà H không lên Tòa làm việc được vì bận công việc, bà H thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với ông S và không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Ủy ban nhân dân phường Đống Đa cung cấp: Bà H kết hôn với ông S năm 1989. Sau đó, bà H về chung sống với ông S ở Tổ dân phố S, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Sậu, phường Đống Đa, tuy nhiên bà đã đi khỏi địa phương từ năm 1992 đến nay không về và không có tin tức gì, địa phương không nắm được thông tin bà H đi đâu.

Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm cung cấp: Khi còn nhỏ, bà H sinh sống với gia đình tại Tổ dân phố Đ, phường Đ , thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1989 bà H kết hôn với ông S và chuyển về phường Đống Đa sinh sống. Hiện thỉnh thoảng bà H có về thăm gia đình tại phường Đồng Tâm, bà H có về nhà chị gái là Nguyễn Thị H ở vài hôm rồi lại đi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Minh Du trình bày: Ông S bà H kết hôn năm 1989, sau khi kết hôn ông S bà H về sống tại nhà ông S ở phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên. Quá trình chung sống ông S bà H thường xuyên mâu thuẫn, sau khi sinh con chưa được 02 tuổi, bà H đã để con cho ông S nuôi và bỏ đi khỏi nhà ông Sáng, khi con chung của ông S và bà H là cháu K chết năm 1992 bà H cũng không về. Như vậy đã 28 năm qua ông S bà H không chung sống cùng nhau, không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông S được ly hôn bà H .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu và có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp

luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để xử: Cho ông Hoàng Văn S được ly hôn bà Nguyễn Thu H ; Về con chung, tài sản, công sức, vay nợ các đương sự không yêu cầu nên Tòa án giải quyết; về án phí ông S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình (tranh chấp về ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thu H vắng mặt lần thứ hai. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thu H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thu H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa ông S và bà H có phát sinh mâu thuẫn thể hiện, bà H bỏ nhà đi cho đến năm 1992, sau khi con chung của ông S và bà H là cháu Hoàng Văn K chết, Bà H không về và từ đó đến nay bà H cũng không về và không liên lạc gì với ông Sáng. Quá trình giải quyết vụ án chính quyền địa phương nơi bà H đăng ký hộ khẩu cung cấp bà H có đăng ký hộ khẩu tại Phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, nhưng bà H đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 1992 đến nay không về; Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm và chị gái của bà H là bà H cung cấp: Bà H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà bà H ở vài hôm rồi lại đi. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án gửi các văn bản tố tụng cho bà H thông qua bà Hiền, thì bà H đều thông báo lại cho bà H biết. Phía bà H tuy không trực tiếp khai tại Tòa án nhưng thông qua bà H cũng thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với ông Sáng. Như vậy, đã 28 năm vợ chồng ông S bà H không chung sống với nhau, không có quan hệ tình cảm. Xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Sáng, bà H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông S xin ly hôn nhằm giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông S là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Hoàng Văn S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho ông Hoàng Văn S được ly hôn bà Nguyễn Thu H .

2. Về con chung, tài sản, công sức, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Hoàng Văn S phải chịu 300.000,đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0006908 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên (ông S đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tp Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND phường Đống Đa, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc (ĐKKH năm 1989)
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phan Thị Lý